

Số: 31 /TB-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc thực hiện chế độ chính sách
cho sinh viên hệ đào tạo chính quy học kỳ II, năm học 2021-2022

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Hướng dẫn số 982/HD-ĐHDL ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy.

Trường Đại học Đà Lạt thông báo về việc thực hiện chế độ chính sách đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy học kỳ II, năm học 2021 – 2022, cụ thể như sau:

I. Đối tượng và hồ sơ

1. Miễn, giảm học phí (MGHP)

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ CẢN NỘP (Các bản sao phải có chứng thực)	GHI CHÚ
1.1. Đối tượng và hồ sơ miễn 100% học phí			
1	Người có công và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 ưu đãi người có công với cách mạng.	1. Đơn đề nghị MGHP (theo mẫu phụ lục 1) 2. Bản sao Giấy khai sinh. 3. Bản sao Giấy chứng nhận liệt sỹ, thẻ thương binh, bệnh binh...; Quyết định được hưởng trợ cấp với người bị nhiễm chất độc hóa học của Cha hoặc Mẹ.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học (Tính từ thời điểm nộp hồ sơ)
2	Sinh viên từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất mồ côi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại điều 5, Nghị định 20/2021/NĐ-CP.	1. Đơn đề nghị MGHP (theo mẫu phụ lục 1) 2. Bản sao Giấy khai sinh. 3. Bản sao Giấy chứng tử của cha, mẹ hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. 4. Giấy chứng nhận sinh viên mồ côi (theo mẫu phụ lục 6)	Xét 1 lần hưởng cả khóa học (Tính từ thời điểm nộp hồ sơ)

3	Sinh viên khuyết tật	1. Đơn đề nghị MGHP (theo mẫu phụ lục 1) 2- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, hoặc Giấy xác nhận khuyết tật (theo mẫu phụ lục 8)	Xét 1 lần hưởng cả khóa học (Tính từ thời điểm nộp hồ sơ)
4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.	1. Đơn đề nghị MGHP (theo mẫu phụ lục 1) 2. Bản sao Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận dân tộc thiểu số 3. Bản sao sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo. 4. Bản sao sổ hộ khẩu thường trú.	Xét theo mỗi học kỳ.
5	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu. (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021).	1. Đơn đề nghị MGHP (theo mẫu phụ lục 1) 2. Bản sao Giấy khai sinh hoặc 3. Giấy chứng nhận dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn của Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. ((theo mẫu phụ lục 7) 4. Bản sao Sổ hộ khẩu thường trú.	Xét 1 lần hưởng cho cả khóa học (Tính từ thời điểm nộp hồ sơ)
6	Sinh viên hệ cử tuyển	1. Đơn đề nghị MGHP (theo mẫu phụ lục 1) 2. Quyết định cử đi học của địa phương. 3. Các giấy tờ khác có liên quan.	Xét 1 lần hưởng cho cả khóa học (Tính từ thời điểm nộp hồ sơ)
1.2. Đối tượng và hồ sơ giảm 70% học phí			
1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó	1. Đơn đề nghị MGHP (theo mẫu phụ lục 1)	Xét 1 lần hưởng cả khóa học (Tính từ

	khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	2. Bản sao trích lục giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số 3. Bản sao Sổ hộ khẩu thường trú 4. Giấy xác nhận ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	<i>thời điểm xét hồ sơ)</i>
1.3. Đối tượng và hồ sơ giảm 50% học phí			
1	Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	1. Đơn đề nghị MGHP (<i>theo mẫu phụ lục 1</i>) 2. Bản sao Giấy khai sinh 3. Bản sao Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha/mẹ do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp do tai nạn lao động	Xét 1 lần hưởng cả khóa học (<i>Tính từ thời điểm xét hồ sơ</i>)

2. Hỗ trợ chi phí học tập (HTCPHT)

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ CẦN NỘP (Các bản sao phải có chứng thực)	MỨC HỖ TRỢ	GHI CHÚ
1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từng thời kỳ. Không áp dụng đối với sinh viên cử tuyển, sinh viên thuộc các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.	1. Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (<i>theo mẫu phụ lục 2</i>) 2. Bản sao Giấy khai sinh 3. Giấy chứng nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo do ủy ban nhân dân xã/ phường/ thị trấn cấp hoặc giấy chứng nhận học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo/ cận nghèo (<i>theo mẫu phụ lục 5</i>).	60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/ năm học/ sinh viên. Số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.	Xét theo mỗi học kỳ

3. Hỗ trợ học tập (HTHT)

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ CẦN NỘP (Các bản sao phải có chứng thực)	MỨC HỖ TRỢ	GHI CHÚ
1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái,	1. Đơn đề nghị Hỗ trợ học tập (<i>theo mẫu phụ lục 3</i>) 2. Bản sao Giấy khai sinh hoặc	100% mức lương cơ sở/sinh viên/tháng. Thời gian được hưởng hỗ trợ: 12	Xét theo mỗi học kỳ

Chút, Ở Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ)	3. Giấy chứng nhận dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn của Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.	tháng/năm học/sinh viên cho sinh viên học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp sinh viên học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế.	
--	---	--	--

4. Trợ cấp xã hội

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ CẦN NỘP (Các bản sao phải có chứng thực)	MỨC HỖ TRỢ (đồng/tháng)	GHI CHÚ
1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng cao.	1. Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (theo mẫu phụ lục 4) 2. Giấy xác nhận của chính quyền địa phương, sinh viên có cha hoặc mẹ là người dân tộc ít người ở vùng cao có hộ khẩu thường trú tại địa phương từ 03 năm trở lên 3. Bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu 4. Bản sao giấy khai sinh.	140.000	Xét theo mỗi học kỳ
2	Học sinh, sinh viên là người tàn tật theo quy định theo quy định chung gặp khó khăn về kinh tế.	1. Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (theo mẫu phụ lục 4) 2. Bản sao chứng thực giấy giám định sức khỏe của hội đồng Y khoa (có ghi rõ tỷ lệ phần trăm về khả năng lao động bị suy giảm). 3. Giấy xác nhận của UBND xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn của sinh viên (theo mẫu phụ lục 5).	100.000	Xét theo mỗi học kỳ)
3	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo.	1. Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (theo mẫu phụ lục 4) 2. Giấy chứng nhận là sinh viên thuộc hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận (theo mẫu phụ lục 5). 3. Đối với sinh viên năm thứ nhất: Bản sao học bạ THPT (học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt) - Sinh viên năm thứ 2 đến năm thứ 5: Bảng điểm học tập, rèn luyện của kỳ kế trước. (Xếp loại học lực Khá trở lên, xếp loại rèn luyện Tốt trở lên).	100.000	Xét theo mỗi học kỳ

4	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.	1. Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (theo mẫu phụ lục 4) 2. Bản sao trích lục giấy khai sinh. 3. Bản sao giấy chứng tử của cha, mẹ. 4. Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ của chính quyền địa phương. (theo mẫu phụ lục 6) (Trường hợp sinh viên không có giấy chứng tử của cha và mẹ).	100.000	Xét theo mỗi học kỳ
---	---	---	---------	---------------------

5. Hỗ trợ sinh hoạt phí (dành cho sinh viên Sư phạm k45)

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ CÂN NẶP (Các bản sao phải có chứng thực)	Mức hỗ trợ	Ghi chú
1	Sinh viên ngành Sư phạm K 45 theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020.	Đơn đề nghị hưởng và cam kết bồi hoàn học phí, chi phí sinh hoạt (mẫu số 01).	3.630.000/sinh viên/tháng. Thời gian được hưởng hỗ trợ không quá 10 tháng/năm.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học.

II. Thời gian và cách thức nộp hồ sơ

1. Thời gian thực hiện

- Từ ngày ra Thông báo đến hết ngày 18/02/2022. Các Khoa tổng hợp, lập danh sách (theo mẫu), ký xác nhận hồ sơ kèm theo và gửi về Phòng Chính trị và Công tác sinh viên trước ngày 22/02/2022.

- Thời gian xét hồ sơ: Từ ngày 23/2/2022 đến ngày 20/3/2022.

- Thời gian thông báo kết quả: Sau ngày 20/3/2022 danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí, hỗ trợ học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ sinh hoạt phí (đối với sinh viên Sư phạm k45) học kỳ II năm học 2021-2022 được gửi về Khoa và công khai trên website của Khoa, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên.

Nhà trường chỉ nhận các hồ sơ hợp lệ và đúng thời gian theo thông báo, mọi trường hợp chậm trễ sau thời gian quy định sẽ không được giải quyết.

2. Cách thức nộp hồ sơ

Sinh viên nộp đầy đủ hồ sơ về Khoa (nộp trực tiếp về văn phòng Khoa hoặc gửi hồ sơ về Khoa theo đường bưu điện).

3. Một số lưu ý

- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí nếu đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một trường thì được hưởng một chế độ ưu đãi.

- Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với sinh viên trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục đại học, nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở giáo dục đại học khác cùng cấp học và trình độ đào tạo.

- Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với các môn học lần một theo chương trình học, không áp dụng cho các môn học lại, học cải thiện, ... cũng như chỉ áp dụng đối với 2 học kỳ chính, không áp dụng đối với học kỳ hè. Số tín chỉ được miễn, giảm học phí là tổng số tín chỉ được quy định trong chương trình đào tạo. Không tính số tín chỉ học lại, học cải thiện, chương trình thứ 2. Số tín chỉ được miễn học phí là 17 tín chỉ/học kỳ.

- Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lại, học bổ sung thì sẽ không được tính trong dự toán để cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

- Đối với sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội... thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo phải nộp bổ sung giấy chứng nhận, hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022, để làm căn cứ xét miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội cho học kỳ II, năm học 2021-2022.

- Chế độ chính sách được chi trả qua tài khoản ngân hàng VietcomBank hoặc AgriBank của sinh viên. Sinh viên cung cấp đầy đủ thông tin về số tài khoản, tên tài khoản chính chủ, đảm bảo tài khoản đang hoạt động.

Trên đây là Thông báo việc thực hiện chế độ chính sách đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy học kỳ II, năm học 2021 - 2022, Nhà trường đề nghị lãnh đạo các Khoa chuyên môn, giảng viên chủ nhiệm, trợ lý công tác sinh viên, chuyên viên hành chính Khoa tổ chức triển khai cho sinh viên thực hiện nghiêm túc nội dung thông báo này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các phòng chức năng (để phối hợp);
- Các khoa (để thực hiện);
- Lưu VT, CT & CTSV



Nguyễn Tất Hồng